

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/DS-ST

Ngày: 10-6-2022

V/v “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu;
hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn,

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Xuân Đào,

2. Ông Nguyễn Chí Lin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 378/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Dương Văn Đ, sinh năm 1962; Nguyễn Thị Nh , sinh năm 1961; cùng địa chỉ: Ấp AT, xã ANĐ, huyện Đ, tỉnh Long An. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị M Tr , sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp 4, xã HT, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Nguyễn Hữu Đ1, sinh năm 1967 (có yêu cầu độc lập), (xin vắng mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979, (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 21/8/92 LCP, phường AL, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Lâm X, sinh năm 1989, (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

3.4. Bà Đoàn Thị Đ, sinh năm 1966, (xin vắng mặt)

3.5. Phạm Duy L, sinh năm 1964, (có yêu cầu độc lập)

Cùng địa chỉ: 959-961-965 HG (chung cư AP, Phòng D051, Tầng 6), Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Phạm Duy L: Lê Thị Mộng T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu vực 3, thị trấn Đức Hòa, huyện Đ, tỉnh Long An. (xin vắng mặt)

3.6. Văn phòng Công chứng THT, trụ sở: Ấp C, xã ĐLH, huyện Đ, tỉnh Long An. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 6 năm 2020; đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/5/2021 lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Văn Đ và bà Nguyễn Thị Nh trình bày như sau: Ngày 13/12/2019, ông bà có vay của bà Tr 100.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng trở lên. Hai bên có làm giấy thỏa thuận viết tay. Ông bà có thể chấp cho bà Tr bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 416, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.933m², tọa lạc xã HH, huyện Đ, tỉnh Long An, bằng hình thức ký hợp đồng ủy quyền. Ông bà đã trả cho bà Tr 4.000.000 đồng tiền lãi và 7.000.000 đồng tiền phí dịch vụ.

Ngày 25/12/2019, ông bà phát hiện bà Tr đã chuyển nhượng thửa 416 của ông bà cho ông Nguyễn Hữu Đ1 nên ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy giấy thỏa thuận ngày 13/12/2019 giữa ông Đ với bà Tr; vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 13/12/2019 giữa ông Đ, bà Nh với bà Tr; vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 25/12/2019 giữa bà Tr (đại diện ông Đ, bà Nh) với ông Đ1. Ông Đ, bà Nh sẽ trả cho bà Tr 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ ngày 13/01/2020, với lãi suất 1%/tháng; đối với tiền lãi 4.000.000 đồng và 7.000.000 đồng tiền phí dịch vụ ông bà không có yêu cầu; yêu cầu ông L trả lại cho ông bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện cấp ngày 20/5/2004. Ông bà không có giao dịch với ông Nguyễn Văn Sự nên không yêu cầu đối với ông Sự. Trên thửa 416, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.933m², tọa lạc xã HH, huyện Đ, tỉnh Long An, ông bà đang trồng lúa, không có nhà cửa, không có cây lâu năm. Hiện tại, ông bà đang quản lý sử dụng; không cho ai thuê; không chuyển nhượng, thế chấp cho cá nhân, tổ chức.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, ông Đ, bà Nh có đơn xin rút yêu cầu vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 18/12/2019 giữa bà Tr (đại diện ông Đ, bà Nh) với ông Lâm X. Tại phiên tòa, ông Đ, bà Nh xin rút yêu cầu hủy giấy thỏa thuận ngày 13/12/2019.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tr do ông Phan Thanh Nhân đại diện trình bày tại biên bản hòa giải ngày 01/8/2020 như sau: Ngày 13/12/2019, ông Đ, bà Nh có vay của bà Tr 100.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng trở lên. Hai bên có làm giấy thỏa thuận viết tay. Ông Đ, bà Nh có thể chấp cho bà Tr giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 416, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.933m², tọa lạc xã HH, huyện Đ, tỉnh Long An, bằng hình thức ký hợp đồng ủy quyền. Ông Đ có trả

cho bà Tr 4.000.000 đồng tiền lãi và 7.000.000 đồng tiền phí dịch vụ.

Ngày 25/12/2019, bà Tr có ký hợp đồng ủy quyền thừa 416 cho ông Nguyễn Hữu Đ1. Nay, ông Đ, bà Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy giấy thỏa thuận ngày 13/12/2019; hủy hợp đồng ủy quyền ngày 13/12/2019 giữa ông Đ, bà Nh với bà Tr; hủy hợp đồng ủy quyền ngày 25/12/2019 giữa bà Tr với ông Đ; yêu cầu bà Tr trả lại cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện cấp cho ông Đ ngày 20/5/2004, đồng thời ông Đ, bà Nh trả cho bà Tr 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ ngày 13/01/2020, với lãi suất 1%/tháng; đối với tiền lãi 4.000.000 đồng và 7.000.000 đồng tiền phí dịch vụ ông Đ không có yêu cầu thì bên bà Tr đồng ý. Ngày 20 tháng 12 năm 2021, ông Mai Thanh Nhó thông báo về việc chấm dứt ủy quyền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 12 năm 2020; đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2022; lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Hữu Đ1 trình bày như sau: Ngày 25/12/2019, ông có cầm đất của ông Lâm X với số tiền 700.000.000 đồng, thửa đất 416, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.933m² đất lúa, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng. Ông Lâm X đã trả 2 tháng tiền lãi là 56.000.000 đồng. Từ đó đến nay, ông Lâm X không trả vốn và lãi. Nay, ông yêu cầu ông Lâm X trả 700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu vợ ông Lâm X cùng trả nợ. Trong số tiền 700.000.000 đồng phần của ông là 200.000.000 đồng, phần của ông Phạm Duy L 500.000.000 đồng, ông đã đưa cho ông L 40.000.000 đồng tiền lãi; tiền lãi ông Đ sử dụng chi tiêu trong gia đình. Ngày 25/12/2019, bà Tr có ký hợp đồng ủy quyền thừa 416 cho ông Nguyễn Hữu Đ1 là để cho bà Tr vay 700.000.000 đồng.

Ngày 06/01/2022, ông Đ có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, do vụ việc xảy ra quá lâu nên không nhớ rõ. Thực tế, ông Lâm X chỉ giới thiệu cho bà Tr vay 700.000.000 đồng của ông. Nay, ông yêu cầu bà Nguyễn Thị M Tr trả 700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu các thành viên trong gia đình bà Tr cùng trả nợ; xin rút lại yêu cầu ông Lâm X trả 700.000.000 đồng, do bận công việc nên ông Đ xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 01 năm 2021; lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết bà Lê Thị Mộng T đại diện ông Phạm Duy L trình bày như sau: Vợ chồng ông L và vợ chồng ông Đ là chỗ làm ăn chung. Năm 2019, có đưa cho ông Nguyễn Hữu Đ1 500.000.000 đồng, để cầm đất. Ông L chỉ nghe ông Đ nói cầm đất của ông Lâm X, thửa số 416, diện tích 4.933 m², chứ ông L không có gặp ông Lâm X. Ông L và ông Đ thỏa thuận lãi suất 4%/tháng. Ông Đ có trả cho ông L tiền lãi tháng 12 năm 2019 là 20.000.000 đồng và tháng 01 năm 2020 là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 40.000.000 đồng. Từ đó cho đến nay ông Đ không trả tiền vốn và tiền lãi cho ông L nữa. Ông Đ có đưa cho ông L bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 513756 do UBND huyện Đ cấp cho ông Dương Văn Đ ngày 20/5/2004.

Nay, yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Hữu Đ1 và bà Nguyễn Thị M cùng liên

đổi trả cho ông Phạm Duy L 500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Nếu ông Đ yêu cầu tính lại tiền lãi mà ông Đ đã trả cho ông L thì ông L yêu cầu ông Đ, bà M trả tiền lãi 1,5%/tháng từ tháng 12 năm 2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 513756 do UBND huyện Đ cấp cho ông Dương Văn Đ ngày 20/5/2004 hiện ông L đang giữ ở nhà, không có thể chấp, cầm cố, chuyển nhượng cho cá nhân, tổ chức nào. ông Đ, bà Nh yêu cầu ông L trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 513756 do UBND huyện Đ cấp cho ông Dương Văn Đ ngày 20/5/2004 thì ông L đồng ý; do bận công việc nên bà Tuyền xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị Đ nêu: Bà là vợ của ông Phạm Duy L. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông L, do bận công việc nên bà xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M nêu: Bà là vợ của ông Nguyễn Hữu Đ1. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, do bận công việc nên bà xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lâm X nêu: Do công việc không xin nghỉ được và dịch bệnh đang phức tạp nên tôi xin vắng mặt tại phiên tòa này, mong Tòa án nhân dân huyện Đ xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng THT nêu: Hợp đồng ủy quyền số 228, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng chứng nhận ngày 13/12/2019 đối với quyền sử dụng 4.933m² đất lúa, thuộc thửa số 416, tờ bản đồ 01, tọa lạc tại xã HH, huyện Đ, tỉnh Long An, bên ủy quyền là vợ chồng ông Dương Văn Đ, bà Nguyễn Thị Nh và bên được ủy quyền là bà Nguyễn Thị M Tr. Hợp đồng ủy quyền ngày 18/12/2019, bên ủy quyền là vợ chồng ông Dương Văn Đ, bà Nguyễn Thị Nh (do bà Tr đại diện) và bên được ủy quyền là ông Lâm X. Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng ủy quyền ngày 25/12/2019, bên ủy quyền là vợ chồng ông Dương Văn Đ, bà Nguyễn Thị Nh (do bà Tr đại diện) và bên được ủy quyền là ông Lâm X. Hợp đồng ủy quyền ngày 25/12/2019, bên ủy quyền là vợ chồng ông Dương Văn Đ, bà Nguyễn Thị Nh (do bà Tr đại diện) và bên được ủy quyền là ông Nguyễn Hữu Đ1. Tất cả các hợp đồng ủy quyền nêu trên là để vay tiền, Văn phòng công chứng không biết việc vay tiền và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đề nghị Tòa án thu hồi nguồn tiền để trả cho ông Đ, ông L.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự có mặt đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của ông Đ và ông L, tuyên vô hiệu hợp đồng ủy

quyền ngày 13/12/2019, bên ủy quyền là vợ chồng ông Dương Văn Đ, bà Nguyễn Thị Nh và bên được ủy quyền là bà Nguyễn Thị M Tr; vô hiệu Hợp đồng ủy quyền ngày 25/12/2019, bên ủy quyền là vợ chồng ông Dương Văn Đ, bà Nguyễn Thị Nh (do bà Tr đại diện) và bên được ủy quyền là ông Nguyễn Hữu Đ1; buộc ông Đ , bà Nh liên đới trả cho bà Tr 129.000.000 đồng (100.000.000 đồng tiền nợ gốc và 29.000.000 đồng tiền lãi); buộc ông Phạm Duy L trả cho ông Đ, bà Nh bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 513756 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Dương Văn Đ ngày 20/5/2004, thửa đất số 416, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.933m², tọa lạc tại xã HH, huyện Đ, tỉnh Long An; buộc bà Tr trả cho ông Đ 700.000.000 đồng; buộc ông Đ, bà Mai liên đới trả cho ông L 500.000.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà Nh về việc vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 18/12/2019, bên ủy quyền là vợ chồng ông Dương Văn Đ, bà Nguyễn Thị Nh (do bà Tr đại diện) và bên được ủy quyền là ông Lâm X và hủy giấy thỏa thuận ngày 13/12/2019 giữa ông Đ với bà Tr; đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Đ về việc yêu cầu ông Lâm X trả 700.000.000 đồng; đình chỉ yêu cầu của ông Đ về việc yêu cầu ông Lâm X trả 700.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hữu Đ1, ông Phạm Duy L, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, hợp đồng vay tài sản”, căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2]. Bà Nguyễn Thị M, ông Lâm X, bà Đoàn Thị Đ, bà Lê Thị Mộng T đại diện ông Linh, Văn phòng Công chứng THT , ông Nguyễn Hữu Đ1 có đề nghị xin vắng mặt. Bà Nguyễn Thị M Tr đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương nêu trên.

[1.3]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Ông L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[1.4]. Ngày 20/12/2021, ông Mai Thanh Nh có thông báo về việc chấm dứt ủy quyền, đề nghị Tòa án liên hệ với bị đơn bà Nguyễn Thị M Tr để thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự nên Tòa án không triệu tập ông Nhân tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 90 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Đ , bà Nh không yêu cầu đối với ông Nguyễn Văn Sự. Ông Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị M Tr trả 700.000.000 đồng, không yêu cầu các thành viên trong gia đình bà Tr cùng trả nợ nên Tòa án không đưa ông Nguyễn Văn Sự vào tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. Theo Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 25/02/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đ , bà Nh yêu cầu vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 13/12/2019 giữa ông Đ , bà Nh với bà Trâm; vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 25/12/2019 giữa bà Tr (đại diện ông Đ , bà Nh) với ông Đ; buộc ông Phạm Duy L phải trả cho ông Đ , bà Nh bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 513756 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Dương Văn Đ ngày 20/5/2004 thửa đất số 416, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.933m², tọa lạc tại xã HH , huyện Đ , tỉnh Long An. Rút yêu cầu vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 18/12/2019 giữa bà Tr (đại diện ông Đ , bà Nh) với ông Lâm X và hủy giấy thỏa thuận ngày 13/12/2019 giữa ông Đ với bà Trâm. Bị đơn bà Nguyễn Thị M Tr vắng mặt không có yêu cầu phản tố. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị M Tr trả 700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu các thành viên trong gia đình bà Tr cùng trả nợ; xin rút lại yêu cầu ông Lâm X trả 700.000.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L có yêu cầu Nguyễn Hữu Đ1 và bà Nguyễn Thị M cùng liên đới trả số tiền 500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không có yêu cầu độc lập. Căn cứ khoản 1 Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của ông Đ, ông Linh.

[2.2]. Tại phiên tòa, các đương sự không xuất trình, giao nộp thêm chứng cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được công khai tại phiên họp về kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 25/02/2022 và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được để xét xử vụ án.

[2.3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Đ , bà Nh yêu cầu vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 13/12/2019 giữa ông Đ , bà Nh với bà Trâm; vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 25/12/2019 giữa bà Tr (đại diện ông Đ , bà Nh) với ông Đ; buộc ông Phạm Duy L phải trả cho ông Đ , bà Nh bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 513756 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Dương Văn Đ ngày 20/5/2004 thửa đất số 416, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.933m², tọa lạc tại xã HH , huyện Đ , tỉnh Long An. Bị đơn bà Tr vắng mặt không rõ lý do, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, biết được yêu cầu khởi kiện của ông Đ , bà Nh nhưng bà Tr không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy tại biên bản hòa giải ngày 01/8/2020, ông Mai Thanh Nhậm đại diện bà Tr thừa nhận ngày 13/12/2019, ông Đ , bà Nh có vay của bà Tr 100.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng trở lên. Hai bên có làm giấy thỏa thuận viết tay. Ông Đ , bà Nh có thể chấp cho bà Tr bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 416, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.933m², tọa lạc xã HH , huyện Đ , tỉnh Long An, bằng hình thức ký hợp đồng ủy quyền. Ông Đ , bà Nh có trả cho bà Tr 4.000.000 đồng tiền lãi và 7.000.000 đồng tiền phí dịch vụ. Ông Đ cũng thừa nhận ngày 25/12/2019, bà Tr có ký hợp đồng ủy quyền thửa 416 cho ông Đ là nhằm mục đích ông Đ cho bà Tr vay tiền. Bà Tuyên đại diện ông

L đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 513756 do UBND huyện Đ cấp cho ông Dương Văn Đ ngày 20/5/2004. Như vậy, các đương sự đều thừa nhận tất cả các hợp đồng ủy quyền là giả tạo nhằm che đậy hợp đồng vay tài sản, do đó căn cứ Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà Nh vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 13/12/2019, bên ủy quyền là vợ chồng ông Dương Văn Đ, bà Nguyễn Thị Nh và bên được ủy quyền là bà Nguyễn Thị M Tr; vô hiệu Hợp đồng ủy quyền ngày 25/12/2019, bên ủy quyền là vợ chồng ông Dương Văn Đ, bà Nguyễn Thị Nh (do bà Tr đại diện) và bên được ủy quyền là ông Nguyễn Hữu Đ1.

[2.4]. Hậu quả hợp đồng vô hiệu: Buộc ông Phạm Duy L phải trả cho ông Đ, bà Nh bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 513756 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Dương Văn Đ ngày 20/5/2004 thửa đất số 416, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.933m², tọa lạc tại xã HH, huyện Đ, tỉnh Long An; buộc ông Đ, bà Nh liên đới trả cho bà Tr 129.000.000 đồng (100.000.000 đồng tiền nợ gốc và 29.000.000 đồng tiền lãi, từ ngày 13/01/2020 đến ngày 10/6/2022 là 29 tháng)

[2.5]. Ông Đ, bà Nh rút yêu cầu vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 18/12/2019 giữa bà Tr (đại diện ông Đ, bà Nh) với ông Lâm X và hủy giấy thỏa thuận ngày 13/12/2019 giữa ông Đ với bà Tr nên đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.6]. Quan hệ vay tài sản giữa ông Lâm X và bà Trâm, do các đương sự không có đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này bà Trâm, ông Lâm X có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[2.7]. Đối với tiền lãi 4.000.000 đồng và 7.000.000 đồng tiền phí dịch vụ ông Đ, bà Nh không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.8]. Đối với yêu cầu độc lập của ông Linh: Ông L yêu cầu Nguyễn Hữu Đ1 và bà Nguyễn Thị M cùng liên đới trả số tiền 500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2020 và tại bản tự khai không ghi ngày tháng năm, ông Đ đồng ý trả cho ông L 500.000.000 đồng, do đó chấp nhận yêu cầu của ông Linh, buộc ông Đ, bà Mai cùng liên đới trả cho ông L 500.000.000 đồng.

[2.9]. Đối với yêu cầu độc lập của ông Đ: Ông Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị M Tr trả 700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu các thành viên trong gia đình bà Tr cùng trả nợ; xin rút lại yêu cầu ông Lâm X trả 700.000.000 đồng. Xét thấy tại biên bản ghi lời khai ngày 12/02/2020 của Công an huyện Đ, bà Tr thừa nhận có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ, để vay của ông Đ 700.000.000 đồng, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc bà Tr trả cho ông Đ 700.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu của ông Đ về việc yêu cầu ông Lâm X trả 700.000.000 đồng.

[2.10]. Về yêu cầu tính lãi: Ông Đ, ông L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của ông L và ông Đ; đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn, của ông Đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Tr phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng để hoàn trả cho ông Đ , bà Nh .

[5]. Về án phí: Buộc bà Tr phải chịu 600.000 đồng và 32.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; buộc ông Đ và bà Mai liên đới chịu 24.000.000 đồng, được khấu trừ 16.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên số 0007163 ngày 21/12/2020, ông Đ và bà Mai còn phải nộp tiếp 8.000.000 đồng; hoàn lại cho ông L 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên số 0007322 ngày 13/01/2021; ông Đ , bà Nh phải chịu 6.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, do ông Đ , bà Nh thuộc trường hợp người cao tuổi nên miễn án phí cho ông Đ , bà Nh ; hoàn lại cho ông Đ , bà Nh 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên số 0007663, 0007664 cùng ngày 01/6/2021, số 0005625, số 0005627, số 0005626 cùng ngày 22/6/2020, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 90, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 124, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn Đ , bà Nguyễn Thị Nh đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M Tr về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hợp đồng vay tài sản”.

Vô hiệu hợp đồng ủy quyền số 228, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng THT chứng nhận ngày 13/12/2019 đối với quyền sử dụng 4.933m² đất lúa, thuộc thửa số 416, tờ bản đồ 01, tọa lạc tại xã HH, huyện Đ, tỉnh Long An, bên ủy quyền là vợ chồng ông Dương Văn Đ, bà Nguyễn Thị Nh và bên được ủy quyền là bà Nguyễn Thị M Tr.

Vô hiệu Hợp đồng ủy quyền số 334, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng THT chứng nhận ngày 25/12/2019, bên ủy quyền là vợ chồng ông Dương Văn Đ, bà Nguyễn Thị Nh (do bà Tr đại diện) và bên được ủy quyền là ông Nguyễn Hữu Đ1.

Buộc ông Đ, bà Nh liên đới trả cho bà Tr 129.000.000 đồng (100.000.000 đồng tiền nợ gốc và 29.000.000 đồng tiền lãi)

Buộc ông Phạm Duy L trả cho ông Đ, bà Nh bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 513756 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Dương Văn Đ ngày 20/5/2004, thửa đất số 416, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.933m², tọa lạc tại xã HH, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người được thi hành án và người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết vụ án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà Nh về việc vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 18/12/2019, bên ủy quyền là vợ chồng ông Dương Văn Đ, bà Nguyễn Thị Nh (do bà Tr đại diện) và bên được ủy quyền là ông Lâm X và hủy giấy thỏa thuận ngày 13/12/2019 giữa ông Đ với bà Tr.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hữu Đ1 đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M Tr về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Tr trả cho ông Đ 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu ông Lâm X trả 700.000.000 đồng.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Duy L đối với ông Nguyễn Hữu Đ1 và bà Nguyễn Thị M về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Đ, bà Mai liên đới trả cho ông L 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Tr phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng để hoàn trả cho ông Đ, bà Nh.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

7. Về án phí: Buộc bà Tr phải chịu 32.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; buộc ông Đ và bà Mai liên đới chịu 24.000.000 đồng, được khấu trừ 16.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên số 0007163 ngày 21/12/2020, ông Đ và bà Mai

còn phải nộp tiếp 8.000.000 đồng; hoàn lại cho ông L 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên số 0007322 ngày 13/01/2021. Ông Đ , bà Nh được miễn án phí, hoàn lại cho ông Đ , bà Nh 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên số 0007663, 0007664 cùng ngày 01/6/2021, số 0005625, số 0005627, số 0005626 cùng ngày 22/6/2020.

8. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu HS, Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

